

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Báo cáo Thường niên năm 2009

Phụ lục số II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

Tên công ty chứng khoán: Công ty CP chứng khoán Nam An

Năm báo cáo: 2009

### I. Lịch sử hoạt động của Công ty

#### 1. Những sự kiện quan trọng

+ Việc thành lập: 18/12/2007

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần (nếu có): không có

+ Niêm yết: chưa

+ Các sự kiện khác: không có

#### 2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính

+ Tình hình hoạt động: bình thường

#### 3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: duy trì hoạt động hiện có

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn: tập trung phát triển nghiệp vụ môi giới, ưu tiên thị trường trong nước.

### II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm...)

Kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2009	Năm 2008
- Doanh thu thuần	1,577,912,316	6,944,606,914
- Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(4,926,812,544)	(57,930,868,528)

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch): do công ty đang trong quá trình tái cấu trúc nên lợi nhuận không đạt được theo kế hoạch ban giám đốc đề ra.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...): không có



4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...): Duy trì hoạt động, ổn định nhân sự và triển khai tất cả các dịch vụ mà 1 công ty chứng khoán được làm trong năm 2010.

### **III. Báo cáo của Ban Giám đốc**

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời: do công ty đang tái cấu trúc nên trong năm 2009 công ty đang hoạt động thua lỗ; khả năng thanh toán: 263.77 lần
- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh
- Phân tích những biến động-những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động)
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo là: 5.800 đồng/cổ phiếu
- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: *không có*
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (14.000.000 cổ phiếu thường)
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): *không có*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: *không có*
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): *không có*
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: *không có*

#### 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.

Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

#### 3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Các biện pháp kiểm soát.....

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

#### IV. Báo cáo tài chính

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>78,719,799,133</b>	<b>66,086,932,834</b>
Tiền & các khoản tương đương tiền	110	40,612,518,128	1,603,158,295
Tiền	111	40,612,518,128	1,603,158,295
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5,715,500	55,433,759,500
Đầu tư ngắn hạn	121	8,966,145	59,403,198,145
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	(3,250,645)	(3,969,438,645)
Các khoản phải thu	130	37,363,501,800	1,253,864,251
Phải thu của khách hàng	131	64,001,800	-
Trả trước cho người bán	132	92,395,000	768,053,973
Các khoản phải thu khác	135	37,207,105,000	485,810,278
Tài sản ngắn hạn khác	150	738,063,705	7,796,150,788
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	738,063,705	970,817,366
Tài sản ngắn hạn khác	158	-	6,825,333,422
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>3,199,006,694</b>	<b>18,339,089,981</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
Tài sản cố định	220	2,110,108,611	4,103,881,714
TSCĐ hữu hình	221	1,369,432,611	3,764,801,714
Nguyên giá	222	3,972,491,170	5,278,070,798
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(2,603,058,559)	(1,513,269,084)
TSCĐ vô hình	227	740,676,000	176,960,000
Nguyên giá	228	812,316,000	194,870,000
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(71,640,000)	(17,910,000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	-	162,120,000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	-	11,631,620,000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	33,249,153,333
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	-	(21,617,533,333)
Tài sản dài hạn khác	260	1,088,898,083	2,603,588,267
Chi phí trả trước dài hạn	261	936,024,083	1,872,048,179
Tài sản dài hạn khác	268	152,874,000	731,540,088
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>81,918,805,827</b>	<b>84,426,022,815</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>310,572,174</b>	<b>2,356,719,577</b>
Nợ ngắn hạn	310	310,572,174	2,356,719,577
Phải trả cho người bán	312	33,038,874	245,599,784
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4,504,260	34,791,690
Phải trả công nhân viên	315	48,200,000	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	224,829,040	2,076,328,103
<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>81,608,233,653</b>	<b>82,069,303,238</b>
Vốn chủ sở hữu	410	81,608,233,653	82,069,303,238
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	140,000,000,000	140,000,000,000
Lợi nhuận chưa phân phối	420	(58,391,766,347)	(57,930,696,762)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>81,918,805,827</b>	<b>84,426,022,815</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2009

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tổng doanh thu	01	1,577,912,316	6,944,606,914
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		50,863,999	407,822,346
- Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn		197,336,875	2,255,989,844
- Doanh thu hoạt động tư vấn		-	20,000,000
- Doanh thu khác		1,329,711,442	4,260,794,724
2. Các khoản giảm trừ	02	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10	1,577,912,316	6,944,606,914
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	1,845,508,885	54,350,294,273
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20	(267,596,569)	(47,405,687,359)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4,659,215,975	10,525,181,169
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30	(4,926,812,544)	(57,930,868,528)
8. Thu nhập khác	31	5,748,735,395	171,766
9. Chi phí khác	32	1,282,992,436	-
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	4,465,742,959	171,766
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50 = 30 + 40 )	50	(461,069,585)	(57,930,696,762)
12. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	-	-
13. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60	(461,069,585)	(57,930,696,762)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****( Theo phương pháp gián tiếp)**

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động, kinh doanh</b>	<b>I</b>		
Lợi nhuận trước thuế	01	(461,069,585)	(57,930,696,762)
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1,143,519,475	1,531,179,084
- Các khoản dự phòng	03	(25,583,721,333)	25,586,971,978
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(4,130,399,054)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(24,901,271,443)	(34,942,944,754)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	09	(36,109,637,549)	(12,982,395,818)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(2,046,147,403)	1,634,230,241
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	1,747,443,845	(2,842,865,545)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	6,825,333,422	(72,050,752)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(54,484,279,128)	(49,206,026,628)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	II		
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(455,326,000)	(5,635,060,798)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1,305,579,628	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(358,857,000,000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	92,643,385,333	271,170,846,667
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	4,130,399,054
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	93,493,638,961	(89,190,815,077)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	III		
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	140,000,000,000
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	3,400,000,000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(3,400,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	140,000,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	39,009,359,833	1,603,158,295
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,603,158,295	-
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	40,612,518,128	1,603,158,295

## V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

### 1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê quỹ tiền mặt của công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán và đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận liên quan đến khoản nợ phải thu khác tại ngày 31/12/2009. Với tình hình thực tế tại công ty, chúng tôi cũng không thể cho ý kiến về các khoản mục này bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác.

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ sự ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

- Các nhận xét đặc biệt.

### 2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

- Các nhận xét đặc biệt

## VI. Các công ty có liên quan: *không có*

## VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành: Ông Trần Hồng Văn – Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị:

Họ và tên: TRẦN HỒNG VĂN - Giới tính: Nam

Năm sinh: 03/09/1977 - Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh - Quốc tịch: Việt Nam

Giấy CMND: 022949762 cấp ngày: 08/03/2006 tại: CA. Tp. HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 112/23 Nguyễn Văn Hường, P. Thảo Điền, Quận 2, Tp. Hồ chí minh.

Chỗ ở hiện tại: 112/23 Nguyễn Văn Hường, P. Thảo Điền, Quận 2, Tp. HCM

- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm: Không
- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc: Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng.
- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:
  - + Số lượng cán bộ, nhân viên: 11
  - + Chính sách đối với người lao động: Tuân thủ đúng quy định của Luật lao động.
- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng.
  - + Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị cũ	Thành viên Hội đồng quản trị mới
1. Trần Hồng Văn – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1. Ông Trần Hồng Văn – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2. Ông Bùi Việt Dũng – Phó Chủ tịch	2. Ông Bùi Việt Dũng - Phó Chủ tịch
3. Ông Đỗ Hoàng Trang – Thành viên	3. Ông Đỗ Hoàng Trang – Thành viên
4. Ông Trần Văn Ngọc – Phó chủ tịch	
5. Bà Lê Minh Tâm – Thành viên	
6. Bà Trịnh Thị Lệ – Thành viên	

+ Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát cũ	Ban Kiểm soát mới
1. Nguyễn Hoàng Dũng – Trưởng ban	1. Nguyễn Ngọc Lan – Thành viên
2. Nguyễn Hoàng Anh – Thành viên	

+ Kế toán trưởng:

Kế toán trưởng cũ	Kế toán trưởng mới
1. Nguyễn Thị Ngọc Lành	1. Nguyễn Thị Tuyết Vân

## VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành), thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch công ty:

+ Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

1. Ông Trần Hồng Văn – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2. Ông Bùi Việt Dũng – Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành)
3. Ông Đỗ Hoàng Trang – Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành)



+ Ban Kiểm soát:

1. Bà Nguyễn Ngọc Lan – Thành viên (Thành viên độc lập không điều hành)

+ Chủ tịch công ty: Ông Trần Hồng Văn

- Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên: Quyết định chiến lược, kế hoạch kinh doanh của công ty; Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của công ty; quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty; trình báo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông...

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Quyết định chiến lược, kế hoạch kinh doanh của công ty; Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của công ty; quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty; trình báo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông...

- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên (ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự...): Không

- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên: Giám sát HĐQT, Tổng giám đốc; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong công tác kế toán, lập báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý, và sáu tháng của công ty, xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty.

- Kế hoạch đề tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty: Duy trì hoạt động hiện có.

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành. Giá trị các khoản thù lao và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể: Không

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 02

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên và Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

1. Tại thời điểm tháng 3 năm 2008, các cổ đông sáng lập gồm có:

STT	Họ và tên	Số CP sở hữu	Vốn góp / VDL (140 tỷ)
1.	Công ty cổ phần Quê Hương Liberty	2.025.000	14,46%
2.	Trần Hồng Văn	2.225.000	15,89%
3.	Trần Văn Ngọc	1.350.000	9,64%
4.	Lê Minh Tâm	1.260.000	9%



5.	Trịnh Thị Lệ	140.000	1%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.000.000</b>	<b>50%</b>

2. Ngày 05/12/2008, cổ đông sáng lập Trịnh Thị Lệ đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của mình cho bà Lê Minh Tâm. Các cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

STT	Họ và tên	Số CP sở hữu	Vốn góp / VDL (140 tỷ)
1.	Công ty cổ phần Quê Hương Liberty	2.025.000	14,46%
2.	Trần Hồng Văn	2.225.000	15,89%
3.	Trần Văn Ngọc	1.350.000	9,64%
4.	Lê Minh Tâm	1.400.000	10%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.000.000</b>	<b>50%</b>

3. Tháng 3/2009, các cổ đông sáng lập Trần Văn Ngọc, Lê Minh Tâm chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác là ông Trần Hồng Văn.

Các cổ đông sáng lập của Công ty tính đến ngày 31/12/2009 như sau:

STT	Họ và tên	Số CP sở hữu	Vốn góp / VDL (140 tỷ)
1.	Công ty cổ phần Quê Hương Liberty	2.025.000	14,46%
2.	Trần Hồng Văn	4.975.000	35,53%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.000.000</b>	<b>50%</b>

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước: Không

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên; Địa chỉ liên lạc; Ngành nghề kinh doanh; số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty.

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập

- Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/tỷ lệ vốn góp.

STT	Họ và tên	Nội dung	Số CP sở hữu	Vốn góp / VĐL (140 tỷ)
1.	Công ty cổ phần Quê Hương Liberty	Số GP CNDKKD: 4103002630 cấp ngày 03/096/2004 – Sở KH&ĐT Tp. HCM. Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, vũ trường, massage sauna, karaoke, cắt uốn tóc, mỹ nghệ. Kinh doanh dịch vụ cho thuê phòng, nhà ở và nhà làm việc. Mua bán rượu các loại, thuốc lá điều sản xuất trong nước. Chế biến bia tươi. Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp mua bán các loại hoa, lá cây cảnh. Kinh doanh dịch vụ ăn uống lưu động. Kinh doanh vận chuyển khách du lịch, dịch vụ du lịch lữ hành khách quốc tế và nội địa, các dịch vụ vui chơi giải trí, thể thao gồm du lịch săn bắn thú, chần thả, hút tóc. Dịch vụ tư vấn quản lý hoạt động kinh doanh nhà hàng, khách sạn. Đại lý đối ngoại tệ. Đại lý bán vé máy bay.	2.025.000	14,46%
2.	Trần Hồng Văn	Sinh ngày: 03/09/1977. Địa chỉ: 112/23 Nguyễn Văn Hương, P. Thảo Điền, Q2, Tp. HCM. Nghề nghiệp: Tổng Giám đốc	4.975.000	35,53%
<b>Tổng cộng</b>			<b>7.000.000</b>	<b>50%</b>

2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: Không

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài
- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2010



Trần Hồng Văn  
Tổng Giám Đốc

